

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2025
“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chính

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều – Là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 177/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hải Đ, sinh năm 1984; số CCCD: 096084001989 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 20, phường ẤX, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Tú Q, sinh năm 1987; SCMND: 381303723 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp PT, xã TP, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Hải Đ trình bày tại đơn khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị Tú Q chung sống với nhau vào năm 2011, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TB. Trong thời gian chung sống đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột gia đình xảy ra không hàn gắn được. Ông và bà Q đã không chung sống với nhau khoảng 05 năm nay. Ông xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Tú Q.

Về con chung: Ông và bà Q có 02 con chung tên Trần Ngọc Tú A, sinh ngày 27/11/2012 và Trần Nhật Quang A, sinh ngày 05/6/2015. Hai con đang sống cùng ông. Khi ly hôn ông yêu cầu nuôi 02 con chung không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà Q không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Q không có nợ chung.

- Đối với bà Đặng Thị Tú Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập

tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng bà Q vắng mặt không lý do cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa ông Trần Hải Đ với bà Đặng Thị Tú Q được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Đặng Thị Tú Q có nơi cư trú tại xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Hải Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Đặng Thị Tú Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng bà Q vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông Đ, bà Q theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Hải Đ và bà Đặng Thị Tú Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện ông Đ yêu cầu xin ly hôn với bà Q. Theo lời trình bày của ông Đ do vợ chồng sống không hợp nhau và có nhiều mâu thuẫn, dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông Đ và bà Q đã không chung sống với nhau khoảng 05 năm nay. Đồng thời, trong suốt thời gian ông Đ yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì bà Q không không gửi ý kiến của mình cho Tòa án, điều đó chứng tỏ bà Q cũng không có ý thức hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa ông Đ và bà Q mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện ông Đ và bà Q mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của ông Đ về việc xin ly hôn với bà Q.

[3] Về con chung: Ông Trần Hải Đ với bà Đặng Thị Tú Q có 02 con chung tên Trần Ngọc Tú A, sinh ngày 27/11/2012 và Trần Nhật Quang A, sinh ngày 05/6/2015. Hiện hai con đang sống chung với ông Đ. Khi ly hôn ông Đ yêu cầu nuôi 02 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Tú A và cháu Quang A đang sống cùng ông Đ, từ khi ông Đ và bà Q không chung sống với nhau khoảng 05 năm nay thì ông Đ là người trực tiếp nuôi hai con chung. Đồng thời, cháu Tú A và Quang A đều có ý kiến nguyện vọng sống cùng ông Đ Cho nên, để tránh sự xáo trộn tâm lý của các cháu tiếp tục giao hai con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Ông Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ông Đ khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hải Đ về việc xin ly hôn với bà Đặng Thị Tú Q.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Tú A, sinh ngày 27/11/2012 và Trần Nhật Quang A, sinh ngày 05/6/2015 hiện đang sống cùng ông Đ cho ông Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Trần Hải Đ phải chịu. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0022428 vào ngày 04/6/2025 được đối trừ, ông Đ đã nộp đủ.

Ông Trần Hải Đ, bà Đặng Thị Tú Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 2- Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương